

Bản án số: 69/2026/HS-ST
Ngày: 06-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Ngô Hồng Khánh.

+ Bà Lê Thị Hoàng Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh T - sinh ngày: 29/3/1985 tại Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049085002253; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh T1 (c) và bà Lê Thị T2 (s); có vợ đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 13/12/2022 bị Tòa án nhân dân quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 231/QĐ – TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 16 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy - Bảo trợ xã hội P (chấp hành xong ngày 16/01/2024).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2025 tại Phân trại tạm giam H thuộc Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn Đ - sinh ngày: 06/5/1999 tại Quảng Ngãi; nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã P, tỉnh Quảng Ngãi; số CCCD: 051099011241, cấp ngày: 21/02/2023; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê C (s) và bà Phạm Thị X (s); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi ra bản án số: 61/2018/HS – ST xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2025 tại Phân trại tạm giam H thuộc Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Văn S - sinh ngày: 04/01/2001 tại Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã N, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049201002374, cấp ngày: 09/5/2021; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn S1 (s) và bà Đinh Thị V (c); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/6/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam ra bản án số: 02/2022/HS – ST xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 03 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tổng hình phạt chung của hai tội là 09 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2025 tại Phân trại tạm giam H thuộc Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đặng C1 – sinh năm: 1962, địa chỉ: Tổ E, thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị T3 – sinh năm: 1983, địa chỉ: Thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 060183013962, cấp ngày: 22/12/2021 (vắng mặt).

+ Ông Lê Văn L – sinh năm: 1991, địa chỉ: Thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048091002799, cấp ngày: 28/6/2021 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Minh T, Lê Văn Đ, Đinh Văn S có mối quan hệ quen biết xã hội với nhau từ trước. Vào ngày 13 và 14 tháng 9 năm 2025, các bị can có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên đã rủ nhau cùng mua ma túy để tổ chức sử dụng, cụ thể:

Vào khuya ngày 13 tháng 9 năm 2025, tại khu vực chợ L1, xã H, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn Đ gặp và rủ Phạm Minh T mua ma túy về để cùng nhau sử dụng và đưa cho T 300.000 đồng nhưng T bảo Đ cầm. Đến khoảng 01 giờ 45 phút ngày 14 tháng 9 năm 2025, T dùng điện thoại của mình có gắn sim số 0934949443 nhá máy cho Nguyễn Đức S2 (sinh năm: 1979, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đà Nẵng) qua số thuê bao 0931570842, S2 gọi lại T hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, S2 đồng ý bán, hẹn đến gần nhà S2 để giao dịch. Sau đó T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 43N1-1789 chở Đ ngồi sau đến gặp S2, S2 mang ma túy được chứa trong một đoạn ống hút được hàn kín hai đầu đưa cho T và lấy tiền từ Đ. T đưa ma túy cho Đ cất giữ rồi điều khiển xe về phòng trọ của mình tại thôn L, xã H. Tại đây, Đ đưa lại ma

tuý cho T rồi đi vệ sinh cá nhân. T chuẩn bị dụng cụ, đổ ma tuý vào nỏ thuỷ tinh, dùng bật lửa màu đỏ đốt nóng ma tuý rồi đặt xuống nền nhà để Đ hút trước rồi đến lượt T hút. Cả hai luân phiên nhau sử dụng, đến lượt ai thì người đó tự khò ma tuý để hút. Khi cả hai sử dụng được một lúc thì Đ rủ T mang số ma tuý còn lại về phòng trọ của mình tại thôn L để cho bạn của mình là Đinh Văn S cùng sử dụng chung, T đồng ý. Lúc này Đ cầm bộ dụng cụ sử dụng ma tuý, T lấy xe chở Đ về phòng trọ của Đ. Khi vào phòng, thấy S đang ngủ, Đ đặt bộ sử dụng ma tuý xuống nền rồi lại gọi Siêu dậy cùng sử dụng ma tuý. Sau đó Đ dùng bật lửa đốt nóng ma tuý rồi xoay ống hút qua cho S hút, xong đến Đ rồi đến T, lần lượt như vậy cho đến khi sử dụng hết ma tuý thì Đ và S đi ngủ, còn T mang bộ dụng cụ về cất giấu tại khu vực bếp của phòng trọ mình.

Đến 09 giờ sáng ngày 14 tháng 9 năm 2025, Lê Văn Đ đi bộ đến phòng trọ của Phạm Minh T và rủ T mua ma tuý để cùng nhau sử dụng và đưa cho T 400.000 đồng (trong đó: 300.000 đồng dùng để mua ma tuý và 100.000 đồng dùng để đồ xăng, mua đồ ăn thức uống). T nháy máy cho S2, S2 gọi lại, T hỏi mua 300.000 đồng ma tuý đá, S2 đồng ý bán và hẹn đến gần nhà S2 để giao dịch. Tương tự lần trước, T điều khiển xe máy chở Đ đến gần nhà S2, Đ đứng chờ ở ngoài, T vào trong gặp S2 lấy ma tuý và trả tiền. Sau đó, T quay ra đón Đ và đưa ma tuý cho Đ cất giữ rồi điều khiển xe về phòng trọ của mình tại thôn L. Tại đây, T lấy ma tuý từ Đ rồi bỏ vào nỏ thuỷ tinh, dùng bật lửa khò nóng ma tuý rồi đặt xuống nền nhà để Đ hút trước rồi sau đó đến lượt T. Cả hai luân phiên nhau sử dụng, đến lượt ai thì người đó tự khò ma tuý để hút. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T chở Đ ra bến xe Đ để Đ bắt xe về quê, T về phòng trọ của mình nghỉ ngơi.

Đến tối khoảng 19h ngày 14 tháng 9 năm 2025, Đinh Văn S3 gặp Phạm Minh T tại khu vực chợ L1, xã H, thành phố Đà Nẵng nên S3 rủ T mua ma tuý đá về để cả hai cùng nhau sử dụng và T đồng ý, S3 đưa cho T 300.000 đồng. Tương tự hai lần trước, T nháy máy cho S2, S2 gọi lại, T hỏi mua 300.000 đồng ma tuý đá, S2 đồng ý bán và hẹn đến gần nhà S2 để giao dịch. T điều khiển xe máy chở S3 ngồi sau đến điểm hẹn, S3 đứng ngoài chờ, T vào trong gặp S2 lấy ma tuý và trả tiền. Sau đó T quay ra đón S3 và đưa ma tuý cho S3 cất giữ rồi điều khiển xe về phòng trọ của mình tại thôn L để cùng nhau sử dụng. Tại đây, T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma tuý mà mình cất giữ ra, sau đó lấy ma tuý từ Siêu đổ vào nỏ thuỷ tinh, dùng bật lửa khò nóng ma tuý rồi hút trước, sau đó đến lượt S3. Cả hai luân phiên nhau sử dụng, đến lượt ai thì người đó tự khò ma tuý để hút. Sau khi sử dụng xong ma tuý, S3 đi bộ về phòng trọ còn T mang dụng cụ sử dụng ma tuý cất giấu vào khu vực bếp rồi đi ngủ.

Đến 20 giờ 00 phút ngày 16 tháng 9 năm 2025, Cơ quan Công an kiểm tra kiểm tra hành chính nhà cho thuê phòng trọ của ông Đặng C1 thì phát hiện Đ và S3 có biểu hiện nghi vấn nên đưa về trụ sở làm việc. Tiếp tục kiểm tra phòng trọ của Phạm Minh T tại thôn L thu giữ tại khu vực bếp 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 một ống thuỷ tinh được uốn cong một đầu, thổi phình to, bên trong có chất bám dính màu nâu, nghi là ma túy, niêm phong ký hiệu A; 01 nắp chai nhựa màu xanh có đục hai lỗ và gắn đoạn ống nhựa trong suốt và một đoạn ống hút nhựa màu trắng – vàng; 01 bật lửa màu đỏ và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu VIVO Y15S bên trong gắn sim số 0934949443 nên đưa T về trụ sở làm việc. Tại đây, T, Đ và S3 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số: 1697/KL-KTHS ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng, xác định:

- Chất màu nâu bám dính bên trong ống thủy tinh (Ký hiệu A) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; lượng chất màu nâu bám dính rất ít nên không xác định được khối lượng.

- Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine và sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy Methamphetamine (A) trong mẫu nước tiểu ghi thu của Phạm Minh T (ký hiệu “THÀNH”), Lê Văn Đ (ký hiệu “ĐÌNH”) và Đinh Văn S (ký hiệu “SIÊU”) gửi giám định.

Tang vật, tài sản thu giữ gồm:

- 01 một ống thủy tinh một đầu được uốn cong, thổi phình to bên trong có chất bám dính màu nâu, nghi là ma túy tiến hành niêm phong, đặt ký hiệu A.

- 01 nắp chai nhựa màu xanh có đục hai lỗ và gắn đoạn ống nhựa trong suốt và một đoạn ống hút nhựa màu trắng – vàng.

- 01 bật lửa màu đỏ.

- 01 điện thoại động màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu VIVO Y15S, số IMEI1: 867251052721280, IMEI2: 867251052721298, gắn sim số 0934949443 đã bị bể màn hình – thu giữ của Phạm Minh T.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 43N1-1789 mà Phạm Minh T sử dụng là được ông Lê Văn L cho mượn. Xe này hiện đang được Phòng C2 Công an thành phố Đ tạm giữ phương tiện vào ngày 15/9/2025 để xử lý do vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ vì “vi phạm nồng độ cồn, không có giấy phép lái xe, không có giấy chứng nhận đăng ký xe, người vi phạm tự ý rời bỏ đi khỏi vị trí lập biên bản” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ.

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 11/CT-VKS-KV4 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Phạm Minh T, Lê Văn Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Đinh Văn S về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T, Lê Văn Đ, Đinh Văn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Phạm Minh T từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lê Văn Đ từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Đinh Văn S từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 một ống thủy tinh ký hiệu A sau quá trình giám định và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số: 1697/KL-KTHS có đóng dấu của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng; 01 nắp chai nhựa màu xanh, có đục hai lỗ, gắn một đoạn ống nhựa trong suốt và một đoạn ống hút nhựa màu trắng – vàng; 01 bật lửa màu đỏ.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Phạm Minh T: 01 điện thoại động màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu VIVO Y15S, số IMEI1: 867251052721280, IMEI2: 867251052721298, gắn sim số 0934949443 đã bị bể màn hình.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố, thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Phạm Minh T, Lê Văn Đ và Đinh Văn S tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trong 02 ngày 13 và 14 tháng 9 năm 2025, Phạm Minh T, Lê Văn Đ và Đinh Văn S đã nhiều lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamin. Phạm Minh T đã 03 lần trực tiếp liên hệ Nguyễn Đức S2 để mua ma túy, cung cấp phương tiện và trực tiếp chở Đ và S đi lấy ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, cung cấp địa điểm để sử dụng ma túy; trong đó có 02 lần tổ chức sử dụng ma túy cùng với Đ, 01 lần tổ chức sử dụng cùng với S, 01 lần tổ chức sử dụng cùng với Đ và S.

[2] Lê Văn Đ đã khởi sướng và 02 lần đưa tổng cộng 700.000 đồng để cùng Phạm Minh T đi mua ma túy về sử dụng. Trong đó, có 02 lần sử dụng cùng với Phạm Minh T tại phòng trọ của T, 01 lần cùng với Phạm Minh T mang ma túy và dụng cụ về tại phòng trọ của Đ để rủ Đinh Văn S và cả 03 cùng nhau sử dụng. Đối với Đinh Văn S có 01 lần khởi sướng, rủ và cung cấp số tiền 300.000 đồng để cùng Phạm Minh T đi mua ma túy về sử dụng chung tại phòng trọ của T.

[3] Như vậy, hành vi của Phạm Minh T, Lê Văn Đ và Đinh Văn S4 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trong đó Phạm Minh T và Lê Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự với 02 tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, Đinh Văn S chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 11/CT-VKS-KV4 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Các bị cáo là người có đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự, biết được chất ma túy làm suy giảm nghiêm trọng sức khỏe của con người, gây ra những

tác hại rất nghiêm trọng cho xã hội nên việc mua bán, tàng trữ, sử dụng chất ma túy phải thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước nhưng vì sự ham muốn của bản thân mà bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây nguy hại nghiêm trọng đến sự an toàn của cộng đồng, dẫn đến sự lo lắng và bức xúc trong nhân dân. Do đó, đối với các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc.

[5] Xét về nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thì thấy: Cả 03 bị cáo đều có nhân thân xấu. Trong vụ án này, bị cáo Phạm Minh T có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhiều nhất, hành vi phạm tội có tính nguy hiểm cao nhất nên phải chịu mức hình phạt nặng nhất. Hành vi phạm tội của Đinh Văn S có tính chất ít nguy hiểm hơn so với Lê Văn Đ nên chịu mức hình phạt thấp nhất. Xét thấy đối với các bị cáo cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[6] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý các vật chứng như sau:

[9] Tịch thu tiêu hủy: 01 một ống thủy tinh ký hiệu A sau quá trình giám định và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số: 1697/KL-KTHS có đóng dấu của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng; 01 nắp chai nhựa màu xanh, có đục hai lỗ, gắn một đoạn ống nhựa trong suốt và một đoạn ống hút nhựa màu trắng – vàng; 01 bật lửa màu đỏ.

[10] Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Phạm Minh T: 01 điện thoại động màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu VIVO Y15S, số IMEI1: 867251052721280, IMEI2: 867251052721298, gắn sim số 0934949443 đã bị bể màn hình mà bị cáo sử dụng để liên hệ khi mua ma túy.

[11] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Nguyễn Đức S2 đã có hành vi bán ma túy cho Phạm Minh T vào các ngày 13 và 14 tháng 9 năm 2025 tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng và đã bị khởi tố theo quyết định số: A5540/QĐ-CSMT ngày 31/12/2025 về việc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự. Đồng thời, Nguyễn Đức S2 cũng bị khởi tố trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định khởi tố số: 548/QĐ-CSMT ngày 26/9/2025. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ căn

cứ Điều 170 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành tách vụ án hình sự theo quyết định số: A338/QĐ-CSMT ngày 23/01/2026 và ra Quyết định nhập với vụ án số: 1812/QĐ-CSMT ngày 11/02/2026 để tiến hành điều tra, truy tố và xét xử về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Đức S2 trong cùng vụ án nhằm đảm nguyên tắc có lợi cho người phạm tội là phù hợp.

[13] Trong vụ án này có ông Lê Văn L cho Phạm Minh T mượn xe mô tô biển kiểm soát 43N1-1789 để sử dụng nhưng không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy; ông Đặng C1 cho Lê Văn Đ thuê phòng trọ nhưng không biết Đ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bà Huỳnh Thị T3 là người thuê phòng trọ sống cùng Phạm Minh T nhưng không biết thành tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông L, ông C1 và bà T3 là phù hợp.

[14] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Minh T, Lê Văn Đ và Đinh Văn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2025.

- Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2025.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2025.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 một ống thủy tinh ký hiệu A sau quá trình giám định và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số: 1697/KL-KTHS có đóng dấu của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng; 01 nắp chai nhựa màu xanh, có đục hai lỗ, gắn một đoạn ống nhựa trong suốt và một đoạn ống hút nhựa màu trắng – vàng; 01 bật lửa màu đỏ.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Phạm Minh T: 01 điện thoại động màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu VIVO Y15S, số IMEI1: 867251052721280, IMEI2: 867251052721298, gắn sim số 0934949443 đã bị bể màn hình mà bị cáo sử dụng để liên hệ khi mua ma túy.

(Các vật chứng hiện đang được Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng tạm giữ theo biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 23/3/2026)

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2026). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV4 – Đà Nẵng;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Phân trại tạm giam Hoà Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn